TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T** , sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: khu B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Trung H** , sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn vào ngày 08/11/2019 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh H chơi bời cờ bạc không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh H chơi bời dẫn đến nợ nần và bị nhiều người đến nhà đòi nợ, mỗi lần như vậy thì vợ chồng lại

xảy ra mâu thuẫn. Chị nhắc nhở, khuyên nhủ anh H và nhiều lần tạo cơ hội để anh H sửa chữa nhưng anh H không thay đổi mà còn đánh đập, chửi bới chị. Do không chịu được cách sống của anh H nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 2/2022, vợ chồng sống ly thân từ đó không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định thực sự tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh H để giải phóng cho đôi bên khỏi giàng buộc.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, Bị đơn anh Lê Trung H trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được đăng ký tại UBND xã Đ vào ngày 08/11/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị T có vài lần nhắc nhở anh không được chơi bời mà quan tâm đến gia đình, anh cũng có tiếp thu, sửa chữa. Tuy nhiên, do anh chơi bời dẫn đến vay nợ nhiều người nên thường xuyên có người đến nhà đòi nợ, do đó anh đã phải bỏ ra ngoài ở và cũng vì lý do đó mà chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2022. Sau khi chị T bỏ về nhà bố mẹ ở, anh và gia đình đã sang tìm gặp chị T để dàn xếp vợ chồng về đoàn tụ song chị T không về, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chông giữa anh và chị T vẫn còn, chị T xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Chị T và anh H cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Quỳnh H1, sinh ngày 07/5/2020 hiện đang ở với anh H. Nay quan điểm của chị T và anh H đều xin được trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên toà: Chị T và anh H đều vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTT dân sự, Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật

Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H; Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết. Chị T phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn anh Lê Trung H hiện đang cư trú tại huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị T là nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, anh H được triệu tập 2 hợp lệ đến phiên toà nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Lê Trung H .

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Trung H kết hôn với nhau trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh H chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù anh H không nhất trí ly hôn, song anh H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 4/2022. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án đã hoà giải và tạo điều kiện để anh H và chị T dàn xếp về đoàn tụ với nhau, song đều không có kết quả. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T xin được ly hôn anh Lê Trung H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị T và anh H là hoàn toàn chính đáng. Song xem xét điều kiện thực tế và các quy định của pháp luật thì thấy con chung của chị T và anh H là cháu Lê Thị Quỳnh H1 hiện chưa tròn 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Lê Thị Quỳnh H1, sinh ngày 07/5/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng mới phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Lê Trung H không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T , cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Trung H .

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Quỳnh H1, sinh ngày 07/5/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004881 ngày 25 tháng 10 năm 2022, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Bích